

Bản án số: **151/2021/HS - ST**
Ngày: 14/6/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Văn Thương.**

Ông **Quàng Văn Minh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/HSST-QĐ ngày 29/4/2021; C văn tạm dừng phiên tòa số: 02/CV-TA ngày 17/5/2021; Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số: 03/TB- TA ngày 03/6/2021 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức S**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1968, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Tổ 21, phường HiL, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12 phổ thông. Bố đẻ: Lê Đức K (đã chết); Mẹ đẻ: Lê Thị H (đã chết); Vợ: Trịnh Thị T - Sinh năm 1974 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án: 02 (Tại bản án số 178/2018/HSST ngày 19/7/2018 bị TAND huyện Đ B xử phạt 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Tại bản án số 16/2019/HSST ngày 27/02/2019 bị TAND huyện Đ B xử phạt 12 tháng tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt của hai bản án là 02 năm 01 tháng tù giam), ngày 14/11/2020 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống; Tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi

phạm hành chính, đã bị Tòa án xét xử nhưng chưa được xóa án tích. Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 27/02/2021, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* *Bị hại:* Anh Sùng A D; sinh năm: 1983; Trú tại: Bản Na Côm, xã Hẹ Muông, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Hương Lan; sinh năm: 1979; Trú tại: Tổ 5, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

* *Người làm chứng:* Anh Vũ Văn C; sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Văn Biên, xã Noong Hẹt, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; Nơi C tác: Bảo vệ, trung tâm Y tế, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Dấn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đức S:

Ngày 03/12/2020, Lê Đức S được em gái là bà Lê Thị Hương L, sinh năm 1979, trú tại Tổ 5, phường T T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên cho mượn một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Sirius để đi lại và chạy xe ôm. Khoảng 14 giờ ngày 27/02/2021, Lê Đức S điều khiển xe mô tô BKS 27S1-042.59 chở khách từ Đồi A1, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ đến Bản Phủ, xã Noong Hẹt, huyện Đ B. Sau khi trả khách xong đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Bị cáo điều khiển mô tô trên đến Trung tâm y tế huyện Đ B, mục đích tìm cháu gái là Nguyễn Thị Hiền (làm việc tại trung tâm y tế huyện) để xin tiền. Đến nơi S để xe mô tô ở cổng rồi đi bộ vào Trung tâm, khi S đi qua phòng bệnh của bà Giàng Thị Lệnh, sinh năm 1932, trú tại bản Na Côm, xã Hẹ Muông, huyện Đ B đang điều trị tại phòng bệnh số 3, khoa Hồi sức cấp cứu, S nhìn thấy 01 chiếc điện thoại D động cảm ứng màu xanh nhãn hiệu VIVO 1960 của anh Sùng A D, sinh năm 1983, trú tại bản Na Côm, xã Hẹ Muông, huyện Đ B (đi chăm mẹ ốm là bà Lệnh) để ở trên giường, bên cạnh giường bà Lệnh đang nằm nghỉ, S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. S đã lén lút đi vào phòng bệnh, dùng tay phải lấy chiếc điện thoại và đi ra hướng ngoài cổng. Bà Lệnh nằm ở giường bệnh bên cạnh phát hiện S trộm cắp chiếc điện thoại, liền đuổi theo S, vừa chạy theo vừa gọi to "Con ơi, có người trộm điện thoại chạy đi rồi". Lúc này anh D đang đứng ngoài hành lang nghe thấy tiếng bà Lệnh là mẹ đẻ anh D và nhìn thấy bà Lệnh đuổi theo S đang cầm chiếc điện thoại ở tay phải. Thấy vậy anh D liền đuổi theo, S cầm chiếc điện thoại vừa đi vừa chạy ra hướng cổng Trung tâm

y tế. Anh D vừa đuổi theo, vừa hô hoán: "Trộm, trộm..". Khi S chạy qua cổng Trung tâm y tế được khoảng 05m thì bị anh Sùng A D và Vũ Văn C, là bảo vệ của Trung tâm y tế huyện và người dân giữ S lại cùng chiếc điện thoại. Anh D hỏi S: "Mày lấy trộm điện thoại của tao à?", S trả lời: "Ừ đúng", rồi đưa chiếc điện thoại cho D và nói: "Tao trả cho mày". Lúc này S định lên xe mô tô để đi về thì bị anh D và anh C giữ lại. Cùng lúc đó, anh C dùng điện thoại báo tin cho C an xã Thanh An, huyện Đ B có mặt kịp thời để tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại D động loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO 1960, màu xanh, số IMEI1: 860749057210230; IMEI 2: 860749057210222 đã qua sử dụng; 01 chiếc ốp điện thoại VIVO màu trắng, cũ đã qua sử dụng; 01 thẻ sim điện thoại Mobifone số điện thoại 0898701346 đã sử dụng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu trắng đen, BKS: 27S1-042.59 cũ, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL- ĐGTS ngày 02/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên kết luận.

- 01 chiếc điện thoại D động loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO 1960, màu xanh, số IMEI 1: 860749057210230; IMEI 2: 860749057210222 đã qua sử dụng có giá là 3.000.000 đồng;

- 01 chiếc ốp điện thoại VIVO màu trắng, cũ đã qua sử dụng có giá là 20.000 đồng;

- 01 sim điện thoại Mobifone số điện thoại 0898701346 đã sử dụng có giá là 50.000 đồng.

Tổng cộng (03 khoản) là: **3.070.000 đồng** (*Ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Trong quá trình điều tra Bị cáo, Bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và tại phiên tòa hôm nay Bị cáo cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 87/CT-VKSĐB ngày 30/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B truy tố bị cáo Lê Đức S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại Dện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giữ quyền C tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đức S: Từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Sùng A D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự. Đề nghị HĐXX không xem xét.

Về vật chứng vụ án gồm:

- 01 chiếc điện thoại D động loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO 1960, màu xanh; 01 chiếc ốp điện thoại VIVO màu trắng, cũ đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại Mobifone, Cơ quan CSĐT C an huyện Đ B đã trao trả lại cho chủ sở hữu tài sản là anh Sùng A D theo Quyết định xử lý vật chứng số 13 ngày 08/3/2021 của Cơ quan CSĐT C an huyện Đ B. Đề nghị HĐXX không xem xét.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu trắng đen, BKS: 27S1- 042.59 cũ, đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT C an huyện Đ B đã trao trả lại cho chủ sở hữu tài sản là bà Lê Thị Hương Lan theo Quyết định xử lý vật chứng số 17 ngày 17/3/2021 của Cơ quan CSĐT C an huyện Đ B, chị Lê Thị Hương Lan về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường. Đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã rất hối hận.

Lời nói cuối cùng của Bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Đức S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 15 giờ ngày 27/02/2021, tại Trung tâm y tế huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, Lê Đức S đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của anh Sùng A D một chiếc điện

thoại nhãn hiệu 01 chiếc điện thoại D động loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO 1960, màu xanh; 01 chiếc ốp điện thoại VIVO màu trắng, cũ đã qua sử dụng và 01 sim điện thoại Mobifone số điện thoại 0898701346 đã sử dụng, tổng giá trị tài sản là 3.070.000 đồng (Ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo hộ, hành vi của Bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2]. Về tính chất của vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản có giá trị là 3.070.000 đồng. Hành vi của Bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành C dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3]. Về tình tiết tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- *Tình tiết tăng nặng:* Tại Bản án số: 178/2018/HSST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ B, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s,t,v khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại Bản án số: 16/2019/HSST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ B, áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56; Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 02 năm 01 tháng tù. Ngày 14/11/2020 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Về nhân thân*: Bị cáo Lê Đức S sinh ra và lớn lên tại Điện Biên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 10/12 thì ở nhà phụ giúp gia đình. Sau đó kết hôn với chị Trịnh Thị Tình trú tại Tổ 21, phường HiL, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên, đến năm 2016 thì ly hôn và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX sẽ xem xét.

Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, song xét Bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4]. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, nên HĐXX không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hương Lan về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường, nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của anh Sùng A D, bà Lê Thị Hương Lan là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[5.1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng

quy định pháp luật.

[5.2]. Về sự vắng mặt của bị hại là anh Sùng A D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hương Lan, người làm chứng anh Vũ Văn C. Xét thấy anh D, bà Lan, anh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra anh D, bà Lan, anh C đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt anh D, bà Lan, anh C theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7]. Về kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Lê Đức S: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/02/2021).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

2. Về vật chứng: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại.
- Người CQLNVLQ;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Trần Thị Tố Loan